

TƯ DUY BẰNG KHÁI NIỆM - ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TƯ DUY LOGIC

TRỊNH NGỌC THẠCH

1. Khái niệm là một hình thức của tư duy loài người, giúp người ta hiểu biết những trưng chung, chủ yếu của các sự vật và hiện tượng của hiện thực khách quan⁽¹⁾. Nhờ năng trù tượng của tư duy, khái niệm phản ánh bản chất của sự vật, hiện tượng, con người phân biệt được các sự vật hiện tượng và tham gia vào hoạt động thực tiễn kết quả cao. Với đặc trưng cơ bản như vậy, "khái niệm là sản phẩm cao nhất của bộ não (Lênin), "là kết quả tối cao cuối cùng của nhận thức con người ở giai đoạn tư duy tượng trước khi chuyển sang hoạt động thực tiễn"⁽²⁾.

2. Tư duy bằng khái niệm - đặc trưng cơ bản của tư duy logic.

2.1. Khái niệm là sản phẩm của tư duy trù tượng, nhưng khi đã hình thành, khái niệm lại trở thành công cụ của tư duy để sản sinh tri thức mới, phản ánh tính biện chứng của hiện thực khách quan.

Tư duy logic biểu hiện trình độ cao của tư duy trù tượng. Vận hành trên cơ sở các khái niệm và các nguyên tắc, các qui luật xác định, tư duy logic đạt tới chân lí một cách vững chắc. Vấn đề cơ bản của tư duy logic là "tính chân thực của nội dung tư tưởng".

Phân tích bản chất của hiện thực khách quan, tư duy logic phân làm hai cấp độ phản ánh: tư duy logic hình thức và tư duy logic biện chứng. Bởi vì, sự vận động biến đổi và hệ phổ biến của hiện thực khách quan bao giờ cũng thể hiện thông qua các sự vật hiện tượng có bản chất xác định. Cho nên hai cấp độ tư duy đó luôn thống nhất, liên hệ bổ sung cho nhau, phản ánh logic khách quan của hiện thực.

Tư duy logic hình thức phản ánh "cái logic là tổng thể những tính qui định tất yếu, biến đổi và bản chất của sự vật, hiện tượng"⁽³⁾. Hình thức tư duy này tuân theo các nguyên tắc, các quy luật của tư duy hình thức, chỉ quan tâm đến "tính hình thức của lập luận hợp lí, nghĩa là không phụ thuộc vào nội dung cụ thể của tư duy, không tính đến những tình huống cụ thể của quá trình lập luận logic"⁽⁴⁾. Tư duy logic biện chứng "thực chất là phép biện chứng trở thành logic của tư duy... dựa trên cơ sở các nguyên lí - qui luật biện chứng cơ bản như: 1) nguyên lí - qui luật mâu thuẫn, 2) nguyên lí - qui luật biến đổi mâu thuẫn, 3) nguyên lí - qui luật thống nhất đa dạng mâu thuẫn, trong đó, mâu thuẫn là hạt nhân của phép biện chứng với tư cách là logic"⁽⁵⁾. Các cấp độ hình thức và biện chứng của tư duy logic được logic học - môn khoa học về tư duy - nghiên cứu và rút ra các nguyên lí, qui luật tư duy, cung cấp những bài học rất bổ ích cho hoạt động nhận

thức và hoạt động thực tiễn của con người. Để đáp ứng nhu cầu nhận thức khoa học hiện đại, người ta đã toán học hóa các nguyên lý, qui luật và quá trình tư duy logic, kể cả tư duy hình thức và biện chứng. Môn logic toán học ra đời trở thành công cụ sắc bén để nhận thức khoa học và có ý nghĩa thực tiễn rất lớn.

2.2. Không có khái niệm thì không có tư duy logic. Vì vấn đề cơ bản của tư duy logic là tính chân lý của tư tưởng. Căn cứ đặc trưng cơ bản của loại hình tư duy, ta thấy khái niệm vừa là sản phẩm, vừa là công cụ của tư duy logic hình thức. Bởi vì thực chất chỉ logic hình thức mới có ý nghĩa "logic" nhất theo đúng nghĩa của nó. Còn "hệ chuẩn logic biện chứng không phải là chuẩn mực logic theo nghĩa riêng của nó. Vấn đề là ở chỗ, nếu ta xác định chuẩn mực logic là khách quan, bất biến, cô lập thì chỉ có chuẩn mực logic hình thức mới là hệ chuẩn logic theo nghĩa riêng của nó. Còn chuẩn mực logic biện chứng là chuẩn mực logic bổ sung, nó không thuần túy logic" (6).

Nhận thức bằng tư duy logic là sự phản ánh "trừu tượng bậc cao" các quá trình hiện thực khách quan để có được hình ảnh tổng quát nhất và bản chất nhất về nó. Muốn vậy nhận thức phải tuân theo các qui luật của tư duy hình thức. Vì thế "cần phải nói thêm nếu thế giới khách quan và nhận thức về thế giới đó, xét về toàn thể, vận động theo định luật của phép biện chứng, thì trong tư duy trừu tượng, mọi suy luận lại phải tuân theo các định luật của logic hình thức" (7). Vì vậy tư duy logic hình thức có ý nghĩa quan trọng đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Có tư duy đúng mới có hành động đúng. Vì vậy, những sai lầm trong hoạt động thực tiễn là thể hiện những sai lầm trong tư duy, trước hết là tư duy logic hình thức.

Mác và Angghen đã phác họa "mô hình ý niệm" về CNXH từ giữa thế kỷ trước những nét cơ bản như: chế độ tư hữu phải được thay thế bằng chế độ công hữu TLSX; việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ do toàn thể hội tiến hành theo một kế hoạch chung; sản phẩm được phân phối theo sự thỏa thuận chung; tiêu diệt cạnh tranh (8).

Nhưng do nhận thức không triệt để, tức là người ta chưa cụ thể hóa mô hình ý niệm đó thành các khái niệm khoa học, cho nên để đạt được những đặc trưng cơ bản của hình CNXH do Mác và Angghen nêu ra, người ta đã dùng các biện pháp cưỡng ép hành chính, tức là làm trái qui luật khách quan của sự vận động và phát triển xã hội. Cho nên "cái mà chúng ta gọi là CNXH hiện nay rõ ràng chưa phải là CNXH mà Mác và Angghen dự kiến" (9). Sự tan rã của cái gọi là "chủ nghĩa xã hội" ở Liên Xô và một số nước khác là một tất yếu logic.

Trong tư duy logic, các qui luật của nó chỉ thực hiện được trên cơ sở các khái niệm đã có. Nếu chưa có khái niệm mà tư duy vẫn tiến hành các qui luật logic hình thức chắc chắn dẫn đến sai lầm.

Xưa nay người ta vẫn đồng nhất CNXH với các khái niệm "công hữu TLSX", "quản lý tập thể nền kinh tế", "sự bình đẳng về quyền lợi trong nhân dân", "không có cạnh tranh trong sản xuất", v. v. . . mặc dù các khái niệm đó vẫn chưa được sáng tỏ. Do vậy người ta đã sai lầm khi dùng các biện pháp cưỡng ép hành chính để thực hiện CNXH.

Do chỗ chưa có khái niệm mà tư duy luôn chứa đựng mâu thuẫn. Chẳng hạn khi lập luận rằng xã hội XHCN là xã hội có nền kinh tế và KHKT phát triển cao; muốn thực hiện được điều đó, phải xóa bỏ nền kinh tế hàng hóa cạnh tranh "hàng ngày hàng giờ đẻ ra CNTB". Nhưng trên thực tế, sự phát triển của nền kinh tế và KHKT không loại trừ sự cạnh tranh trong nền kinh tế, thậm chí, cạnh tranh còn là cơ sở, là điều kiện thúc đẩy nền kinh tế và KHKT phát triển. Lập luận như vậy là mâu thuẫn.

Trong hoạt động thực tiễn, con người luôn luôn đứng trước những sự lựa chọn: chọn mục đích, chọn giải pháp tối ưu, chọn kết quả, v. v. . . Muốn chọn đúng, trước hết phải có khái niệm về cái mà mình chọn và cả những cái mình loại bỏ. Những sự giao thoa, sự lưỡng chùng và sự lựa chọn sai đều phải trả giá đắt. Chưa xác định rõ khái niệm XH mà chọn con đường CNXH, rồi thậm chí tuyên bố CNXH đã thành công. Đó là sai lầm về mặt logic, kéo theo sai lầm về mặt lịch sử.

Qui luật logic về sự phủ định hay khẳng định cũng đòi hỏi tư duy phải có khái niệm, phải đầy đủ căn cứ logic cho sự phủ định hay sự khẳng định đó. Chúng ta chưa có đủ căn cứ để đồng nhất CNXH khoa học với thực tế ở Liên Xô và các nước khác ở Đông Âu, thì chúng ta cũng chưa đủ căn cứ để đồng nhất chủ nghĩa Mác nói chung với thực tiễn cách mạng ở các nước đó được. Có một số người trước sự tan vỡ của cách mạng các nước ở Liên Xô và Đông Âu, đã kết tội chủ nghĩa Mác và đòi loại bỏ chủ nghĩa Mác. Lập luận như vậy là không logic.

Ngoài các qui luật của tư duy hình thức, các khâu trừu tượng khác của nó, như phán đoán, suy luận, cũng hoạt động trên cơ sở các khái niệm. Sự kết hợp giữa các nguyên tắc, qui luật của tư duy hình thức với tính chân thực của các khái niệm, các suy luận logic sản sinh tri thức tất yếu chân thực.

Người ta cũng đã sai lầm khi suy luận rằng trong xã hội XHCN không tồn tại nền kinh tế hàng hóa có cạnh tranh. Ở Liên Xô và các nước khác trước đây đã không tồn tại nền kinh tế hàng hóa có cạnh tranh. Do đó Liên Xô và các nước đó là nước XHCN. Suy luận đó có chứa mâu thuẫn vì các khái niệm "nền kinh tế có cạnh tranh", "không có cạnh tranh" chưa sáng tỏ. Do vậy, để là nước XHCN, người ta đã thủ tiêu cạnh tranh bằng cách ép hành chính. Thực tế cho phép thủ tiêu cạnh tranh không đồng nghĩa với sự loại bỏ cạnh tranh tự thủ tiêu trên cơ sở sự phát triển tất yếu của nền kinh tế. Chẳng những người ta có khái niệm mà suy luận trên còn vi phạm nguyên tắc của mô hình lập luận logic hình thức. Do đó tri thức của suy luận đó không chân thực.

3. Thực trạng tư duy logic ở nước ta và vấn đề tra cứu tư duy logic.

3.1. Khảo sát thực trạng tư duy logic ở nước ta là việc khó khăn phức tạp. Nhưng dù sao cũng đã có những sự đánh giá khá tin cậy từ phía những người nghiên cứu tư duy logic có trình độ và có kinh nghiệm. Trong số đó có ý kiến nhận xét rằng: tư duy người Việt Nam trong lịch sử và hiện đại "chưa trải qua giai đoạn logic hình thức cổ điển và các biện chứng khoa học" (10).

Một ý kiến khác nêu rõ bốn đặc trưng cơ bản của tư duy người Việt Nam hiện nay là: 1) tư duy người Việt Nam có khuynh hướng phổ biến là "tư duy định tính tiền định lượng". Tư duy khoa học cần có ba giai đoạn: định tính tiền định lượng, định lượng và

định tính sau định lượng. Như vậy tư duy người Việt Nam ta mới chỉ dừng ở giai đoạn đầu của tư duy khoa học, tư duy tiền khoa học. 2) tư duy lí luận ở nước ta thiên về "lý yếu về "luận". Do đó mới chỉ nêu vấn đề chứ chưa giải quyết vấn đề một cách triệt để. Kiểu tư duy này thực chất là tư duy kinh nghiệm, duy cảm, không duy lí. 3) tư duy chúng ta thường thiên về hai thái cực, một bên là sách vở, kinh viện giáo điều, một bên thuần túy kinh nghiệm thực tế. 4) tư duy lí luận của chúng ta có sự đồng nhất giữa tư chính trị và tư duy lí luận. Lí luận minh họa cho chính trị, chính trị chi phối và quy định lí luận⁽¹¹⁾.

Còn nhiều ý kiến khác về vấn đề này, song cơ bản là thống nhất về sự đánh giá trình độ tư duy logic ở nước ta hiện nay. Hai ý kiến trên khá tiêu biểu để cho phép chúng ta nhận xét rằng: tư duy người Việt Nam ta hiện nay chưa đạt tới tư duy logic (tư duy luận khoa học). Nếu nhìn vào thực tế nền sản xuất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội thì cũng có thể nhận xét được như vậy, bởi vì tồn tại nào tư duy ấy.

3.2. Mục đích của chúng ta là dân giàu, nước mạnh, sánh kịp các cường quốc châu. Mục đích đó chỉ có thể đạt được khi có những tiềm lực mạnh mẽ nhiều mặt. Những tiềm lực phải kể đến trước nhất là tư duy lí luận có "hàm lượng trí tuệ cao". Điều thiết yếu là phải đánh giá đúng mức vai trò của tư duy lí luận đối với hoạt động thực tiễn. Vấn đề này, Angghen đã từng chỉ ra từ thế kỷ trước rằng "dù người ta có khinh thường mọi tư duy lí luận như thế nào đi nữa, nhưng không có tư duy lí luận thì người ta cũng không thể liên hệ hai sự kiện trong giới tự nhiên với nhau được, hay không thể hiểu mối liên hệ giữa hai sự kiện đó. Rõ ràng sự khinh thường lí luận là con đường chắc chắn nhất đưa chúng ta đến chỗ suy nghĩ theo lối tự nhiên chủ nghĩa, tức là suy nghĩ sai"⁽¹²⁾.

Nhận thức, nắm bắt qui luật vận động của tự nhiên và xã hội, áp dụng vào hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả là một vấn đề rất quan trọng và cấp bách, nhưng lại rất khó khăn. Chỉ có thể đáp ứng nhu cầu đó bằng việc trau dồi và vận dụng tốt tư duy logic. "Nếu dừng ở trực quan kinh nghiệm thì không thể có nhận thức đúng đắn, để nhận thức đúng đắn, nhất thiết phải trau dồi tư duy lí luận... để trau dồi tư duy lí luận thì phải nắm vững và vận dụng tốt logic hình thức... không dùng các tiêu chuẩn của nhận thức cảm tính thay cho các đòi hỏi của tư duy trừu tượng, đặc biệt là đòi hỏi về tính phi mâu thuẫn trong các suy luận hình thức, cũng như không máy móc dùng các định luật của logic hình thức thay cho nhận thức cảm tính"⁽¹³⁾.

Người Việt Nam ta không những không có truyền thống tư duy logic mà còn ngại tư duy logic. Trong diễn giải về lập luận, chúng ta thường cố gắng làm giản đơn các vấn đề phức tạp, làm cho dễ hiểu các vấn đề khó. Vì vậy, các khái niệm, phạm trù khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực lí luận, thường bị người ta cắt xén, xuyên tạc và hiểu sai. Cho nên những vấn đề lí luận khi đi vào thực tiễn thường bị biến đổi, méo mó và không ăn khớp với thực tiễn. Thực tiễn không có lí luận trở nên bế tắc, không có đường ra, gặp chướng ngại hay chớ.

Không thể chấp nhận được những người làm "công tác lí luận" mà không có tư duy logic, không biết đến logic học. Nhưng buồn thay, đó là một thực tế.

Làm lí luận mà thiếu tư duy logic thì cũng giống như sản xuất mà không có công

úng ta thường đổ lỗi cho xã hội là xem nhẹ lí luận, coi thường lí luận, nhưng chúng ta đng mấy khi nhận rằng lí luận của mình quá non yếu, không đủ sức chỉ đạo thực tiễn.

Muốn cho lí luận thực sự có ý nghĩa đối với thực tiễn thì trước hết phải nhận thức ợc sự "quá thiếu hụt trình độ tư duy duy lí luận khoa học hiện đại và theo đó là thiếu kĩ nghệ có hàm lượng khoa học siêu cao tương ứng với cơ sở logic hiện đại" (14) của duy người Việt Nam. Và sau đó cần có biện pháp bù đắp chỗ thiếu hụt đó bằng việc u dổi tư duy logic trong nhân dân. Cần phải đưa môn logic học, nhất là logic học yền thống của Aristote, vào giảng dạy trong các nhà trường từ cấp phổ thông trung trở lên, để sớm làm quen với tư duy logic. Tùy theo các đối tượng khác nhau mà cần a các môn logic cao cấp vào giảng dạy ở các bậc cao đẳng và đại học. Đặc biệt, những rời làm công tác lí luận cần phải học tập và nghiên cứu logic học một cách hệ thống và iêm túc. Có như vậy, chúng ta mới mong khắc phục được những thiếu hụt về trình độ duy trong nhân dân, trên cơ sở đó mới có thể xây dựng được nền tảng lí luận vững ic cho công cuộc đổi mới toàn diện hiện nay.

CHÚ THÍCH

1. Rozentan và Iudin - *Từ điển triết học*, ST, H. 1976, tr. 441.
2. Bùi Thanh Quất - *Giáo trình logic học hình thức*, Viện QLKH, H. 1990, P. 2, 3.
3. 4. 5. 6. Tô Duy Hợp - "Logic phi cổ điển - chuẩn mực hiện đại và tiên tiến ít của tư duy". *Triết học*, số 4, 1990, tr. 37, 38.
7. Phan Đình Diệu - "Lí luận nhận thức của Lênin và việc đổi mới tư duy". *Triết học*, số 2, 1990, tr. 4.
8. 9. Lê Hữu Tăng - "Vấn đề mô hình chủ nghĩa xã hội". *Triết học* số 4, 1990, 3, 4.
10. Tô Duy Hợp - *Sổ*, tr. 41.
11. Ngô Đình xây - "Vài nét về thực trạng tư duy hiện nay ở nước ta". *triết học* 4, 1990, tr. 32, 33.
12. Engels - *Biện chứng của tự nhiên* - Trích theo Phan Đình Diệu, *sổ*, tr. 4.
13. Phan Đình Diệu - *sổ* tr. 4.
14. Tô Duy Hợp - *sổ*, tr. 41.